

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HS-ST
Ngày: 16 - 01- 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Dũng - Hiệu trưởng trường THCS Gò Đen, huyện B, tỉnh Long An

Bà Nguyễn Thị Hồng Châu - Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện B, tỉnh Long An

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 118/2023/HSST ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Võ Hoài T, sinh ngày 02/01/2007 (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 02 tháng 11 ngày), tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp E, xã L, huyện B, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (Học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn R và bà Võ Ngọc T1; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2023 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Võ Hoài T:

1. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1979 (cha ruột)

2. Bà Võ Ngọc T1, sinh năm 1983 (mẹ ruột)

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã L, huyện B, tỉnh Long An. Có mặt;

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Võ Hoài T: Bà Đặng Kim H – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt;

- Bị hại: Bùi Thị Ngọc U, sinh ngày 25/5/2011. Xin vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Bùi Công T2, sinh năm 1986 (cha ruột)

2. Bà Phan Thị Ngọc B, sinh năm 1990 (mẹ ruột)

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã L, huyện B, tỉnh Long An. Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Phạm Thị Mai T3 – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/3/2023, Nguyễn Võ Hoài T, sinh ngày 02/01/2007 và Bùi Thị Ngọc U sinh ngày 25/5/2011 (chưa đủ 13 tuổi) biết nhau thông qua mạng xã hội Facebook, sau đó cả hai nhắn tin qua lại với nhau. Trong lúc nhắn tin T yêu cầu U chụp hình bộ phận sinh dục của U cho T xem, U đồng ý chụp và gửi cho T xem. Sau đó T nhắn tin rủ U quan hệ tình dục thì U không đồng ý, sau đó T nhắn tin đe dọa đánh U nên U đồng ý. Khoảng 07 giờ ngày 15/3/2023, T nhắn tin hỏi vị trí nhà U để đến nhà U nhưng U không đồng ý thì T tiếp tục đe dọa đánh và chửi nên U đồng ý. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 62F7-5301 đến trước nhà U ở Ấp F, xã L, huyện B, tỉnh Long An, do có bà nội U ở nhà và sợ ba mẹ U đi làm về đột xuất nên T chở U đến ngôi nhà hoang ở ấp F, xã L, huyện B, cách nhà của U khoảng 300m. Tại đây, T và U vào bên trong ngôi nhà hoang, T tự cởi quần của jean T ra và kêu U tự cởi quần ra, U nằm ngửa xuống nền gạch, Trung thực hiện hành vi giao cấu với U, khi đang thực hiện giao cấu thì U nói đau và dùng tay đẩy T ra, T dừng lại và không tiếp tục giao cấu nữa, T và U tự mặc quần vào, T điều khiển xe mô tô chở U về tới kênh T gần nhà U thì U xuống xe đi bộ về nhà. Sau đó U kể sự việc cho cô Lê Thị Kim O là giáo viên chủ nhiệm biết sự việc, cô O nói lại cho chị Phan Thị Ngọc B là mẹ của U biết, đến ngày 16/3/2023, chị B đến trình báo Công an xã L.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 12/KLTDTE-TTPY ngày 24/3/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh L, kết luận: Vùng vú hai bên, không ghi nhận tổn thương; Vùng bẹn, đùi, âm hộ không ghi nhận tổn thương; Vùng tiền đình vị trí 6 giờ có vết trầy xước khoảng 0,5cm; Màng trinh dạng vành, không thấy vết rách, âm đạo đứt lốt 1 ngón tay; Tại thời điểm giám định ghi nhận không có thai; Tim không thấy tinh trùng trong mẫu dịch âm đạo.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện B có tạm giữ: 01 áo khoác dài tay màu xám, 01 quần Jeans màu đen, 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Redmi của Nguyễn Võ Hoài T; 01 áo ngắn tay màu hồng trắng, 2 bên tay

có chữ lovely, 01 quần dài màu hồng trắng, 2 bên ống quần có chữ lovely girl, 01 áo lót màu trắng, 01 quần lót màu hồng của Bùi Thị Ngọc U; 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Samsung của Võ Ngọc T1, T sử dụng nhắn tin với U (hiện Chi cục THADS huyện B đang tạm giữ).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Võ Hoài T hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan, không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết luận giám định, đồng thời không khiếu nại đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSBL ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Võ Hoài T về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” theo điểm b khoản 1 Điều 142 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa vẫn giữ y quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo Nguyễn Võ Hoài T về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Nguyễn Võ Hoài T phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 142; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 54, Điều 91, 98, 101 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Võ Hoài T mức hình phạt tù 04 năm đến 05 năm.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 áo khoác dài tay màu xám, 01 quần Jeans màu đen của Nguyễn Võ Hoài T, tại phiên tòa bị cáo T không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 áo ngắn tay màu hồng trắng, 2 bên tay có chữ lovely, 01 quần dài màu hồng trắng, 2 bên ống quần có chữ lovely girl, 01 áo lót màu trắng, 01 quần lót màu hồng của Bùi Thị Ngọc U, tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Redmi của Nguyễn Võ Hoài T sử dụng liên lạc với bị hại nên đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Samsung của bà Võ Ngọc T1, bị cáo T sử dụng nhắn tin với U, bà T1 không biết nên đề nghị trả lại cho bà T1.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại Bùi Thị Ngọc U và đại diện hợp pháp của bị cáo T đã thỏa thuận bồi thường tổn thất về sức khỏe, tinh thần cho bị hại U với số tiền 50.000.000 đồng, người đại diện hợp pháp của bị cáo T đã bồi thường được số tiền 20.000.000 đồng, còn lại số tiền 30.000.000 đồng buộc bị cáo T và người đại diện hợp pháp của bị cáo phải có

trách nhiệm liên đới tiếp tục bồi thường cho bị hại Bùi Thị Ngọc U như đã thỏa thuận là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Buộc bị cáo Nguyễn Võ Hoài T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Võ Hoài T và ông Nguyễn Văn R, bà Võ Ngọc T1 (cha, mẹ ruột của bị cáo T) phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Người bào chữa, người đại diện cho bị cáo Nguyễn Võ Hoài T là bà Đặng Kim H trình bày: Thống nhất về tội danh và mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã đề nghị đối với bị cáo Nguyễn Võ Hoài T. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Võ Hoài T bồi thường 50.000.000đồng, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường được 20.000.000đồng; Về trách nhiệm hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 142 BLHS và các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Chương XII những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là bà Phạm Thị Mai T3 trình bày: Thống nhất về tội danh và mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã đề nghị đối với bị cáo Nguyễn Võ Hoài T. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Võ Hoài T bồi thường 50.000.000đồng, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường được 20.000.000đồng, còn lại 30.000.000đồng đề nghị bị cáo T tiếp tục bồi thường cho bị hại; Về trách nhiệm hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật, không xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Võ Hoài T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã nêu. Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Võ Hoài T trước tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, cùng với bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 12/KLTDTE-TTPY ngày 24/3/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh L phù hợp với sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Ngày 14/3/2023, bị cáo Nguyễn Võ Hoài T, sinh ngày 02/01/2007 và Bùi Thị Ngọc U sinh ngày 25/5/2011 (chưa đủ 13 tuổi) quen biết và nhắn tin qua lại thông qua mạng xã hội facebook, bị cáo T nhắn tin rủ U quan hệ tình dục nhưng U không đồng ý, sau đó bị cáo T đe dọa đánh nên U đồng ý. Đến khoảng 07 giờ ngày 15/3/2023, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 62F7-5301 đến nhà U chở U đến ngôi nhà hoang ở ấp F, xã L, tại đây Trung thực hiện hành vi giao cấu với U 01 lần.

Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Nguyễn Võ Hoài T gây ra là nguy hiểm. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm, sức khỏe của bị hại Bùi Thị Ngọc U mà còn xâm phạm quá trình phát triển bình thường của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Võ Hoài T đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” theo quy định tại khoản 1 Điều 142 Bộ luật hình sự. nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Võ Hoài T với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như:

[3.1]. Xét về các tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[3.2]. Xét về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Võ Hoài T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường cho bị hại một phần thiệt hại, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ

luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Võ Hoài T có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích [2] và [3], xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên và quan điểm người bào chữa cho bị cáo, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại về áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Võ Hoài T là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 142 Bộ luật Hình sự thì hành vi phạm tội bị cáo T còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo T trình bày không có công việc ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 áo khoác dài tay màu xám, 01 quần Jeans màu đen của Nguyễn Võ Hoài T, tại phiên tòa bị cáo T không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 áo ngắn tay màu hồng trắng, 2 bên tay có chữ lovely, 01 quần dài màu hồng trắng, 2 bên ống quần có chữ lovely girl, 01 áo lót màu trắng, 01 quần lót màu hồng của Bùi Thị Ngọc U, tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Redmi của Nguyễn Võ Hoài T sử dụng liên lạc với bị hại nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Samsung của bà Võ Ngọc T1, bị cáo T sử dụng nhắn tin với U, bà T1 không biết nên trả lại cho bà T1.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại Bùi Thị Ngọc U và đại diện hợp pháp của bị cáo T đã thỏa thuận bồi thường tổn thất về sức khỏe, tinh thần cho bị hại U với số tiền 50.000.000 đồng, người đại diện hợp pháp của bị cáo T đã bồi thường được số tiền 20.000.000 đồng, còn lại số tiền 30.000.000 đồng buộc bị cáo T và người đại diện hợp pháp của bị cáo phải có trách nhiệm liên đới tiếp tục bồi thường cho bị hại Bùi Thị Ngọc U như đã thỏa thuận là phù hợp nên ghi nhận.

[7]. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Buộc bị cáo Nguyễn Võ Hoài T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Võ Hoài T và ông Nguyễn Văn R, bà Võ Ngọc T1 (cha, mẹ ruột của bị cáo T) phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo bị cáo Nguyễn Võ Hoài T phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 142; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 54, Điều 91, 98, 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Võ Hoài T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2023.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Võ Hoài T 45 ngày kể từ ngày tuyên án (16/01/2024) để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác dài tay màu xám, 01 quần Jeans màu đen của Nguyễn Võ Hoài T.

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo ngắn tay màu hồng trắng, 2 bên tay có chữ lovely, 01 quần dài màu hồng trắng, 2 bên ống quần có chữ lovely girl, 01 áo lót màu trắng, 01 quần lót màu hồng của Bùi Thị Ngọc U.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Redmi của Nguyễn Võ Hoài T.

- Trả lại cho bà Võ Ngọc T1 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu S.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/12/2023).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 586, 592 BLDS. Buộc bị cáo Nguyễn Võ Hoài T và ông, bà Nguyễn Văn R, Võ Ngọc T1 (cha mẹ ruột bị cáo T) liên đới bồi thường cho bị hại Bùi Thị Ngọc U số tiền 30.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Buộc bị cáo Nguyễn Võ Hoài T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Võ Hoài T và ông Nguyễn Văn R, bà Võ Ngọc T1 (cha, mẹ ruột của bị cáo) liên đới chịu 1.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai. Căn cứ Điều 331, 333 BLHS, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; người đại diện hợp

pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Thanh